

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC A  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 65/2025/KDTM-ST

Ngày: 04-9-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Châu Thị Lệ

Ông Lê Hoàng Phú

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Hương Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 73/2024/TLST-KDTM ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2025/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1230/2025/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Việt Nam T; Địa chỉ trụ sở: Số A, đường Láng H, phường Láng H, quận Đống Đ, nay là phường Đống Đ, Thành phố Hà Nội.

**- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Đặng Đức T và ông Nguyễn Văn L; Địa chỉ: Số C đường Cao T, Phường D, Quận E, nay là phường Bàn C, Thành phố Hồ Chí Minh; Văn bản ủy quyền ngày 20/5/2024. (Có mặt)

**- Bị đơn:** Công ty TNHH Lê N; Địa chỉ trụ sở: Số H đường Phan V, Phường K, quận G, nay là phường Hạnh T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Lê Anh D – Giám đốc; Địa chỉ: Thôn Lâm T, xã Hoài T, thị xã Hoài N, nay là phường Hoài N, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Anh D; Địa chỉ: Thôn Lâm T, xã Hoài T, thị xã Hoài N, nay là phường Hoài N, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam T (gọi tắt V) có người đại diện hợp pháp ông Đặng Đức T trình bày:*

Công ty TNHH Lê N có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam T theo Hợp đồng cho vay số EGV/21663 ngày 15/12/2021; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 16/10/2019 và các văn kiện tín dụng kèm theo.

Khế ước nhận nợ lần 01/số EGV/21663-01 ngày 15/12/2021:

Số tiền vay: 780.300.000 đồng

Thời hạn vay: 60 tháng

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô

Lãi suất và các kỳ trả nợ: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 8,4%/năm. Mức điều chỉnh lãi suất bằng lãi suất bán vốn áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là trên 3 đến = 5 năm và ký điều chỉnh lãi suất là 1M tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 4%/năm.

Các kỳ trả nợ gốc: Trả 01 lần/tháng vào ngày 15, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/01/2022. Tổng cộng trả 60 kỳ, mỗi kỳ trả 13.005.000 đồng.

Các kỳ trả nợ lãi: Trả 01 lần/tháng vào ngày 15, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 15/01/2022.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, tài sản thế chấp là 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu FORD, số loại RANGER, số khung RL2UMFF60MKR13595, số máy YN2QPMK13595, biển số 51D-597.50, theo hợp đồng thế chấp số EGV/21664 ngày 15/12/2021.

Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Lê Anh D theo hợp đồng bảo lãnh số TSN/19112 ngày 10/10/2019 và số EGV/21663/HDBL ngày 15/12/2021.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH Lê N đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, nên toàn bộ khoản vay đã chuyển quá hạn từ ngày

17/5/2024. V đã nhiều lần liên hệ làm việc với Công ty TNHH Lê N để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ và yêu cầu bàn giao tài sản bảo đảm nhưng Công ty TNHH Lê N cố tình trốn tránh.

Tính đến ngày 04/9/2025, Công ty TNHH Lê N đã thanh toán cho V nợ gốc 364.140.000 đồng, nợ lãi 143.623.712 đồng, tổng cộng 507.763.712 đồng.

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 16/10/2019: Hạn mức 40.000.000 đồng, thời hạn 60 tháng, lãi suất trong hạn 32%/năm. Lãi suất thẻ tín dụng trong hạn sẽ được điều chỉnh theo quy định tại Bản điều kiện giao dịch chung về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp (gọi tắt là “Bản Điều kiện giao dịch chung”). Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngày 20/02/2024.

Nguyên đơn yêu cầu:

Buộc Công ty TNHH Lê N phải trả ngay một lần cho V tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 04/9/2025 là:

Đối với Hợp đồng cho vay số EGV/21663 ngày 15/12/2021: Nợ gốc 416.160.000 đồng, nợ lãi trong hạn 11.559.740 đồng, nợ lãi quá hạn 108.272.290 đồng, nợ lãi chậm trả 1.507.517 đồng, tổng cộng 537.499.547 đồng.

Đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 16/10/2019: Nợ gốc 35.879.667 đồng, nợ lãi quá hạn 12.851.865 đồng, tổng cộng 48.731.532 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 05/9/2025, Công ty TNHH Lê N vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi phạt theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V.

Trường hợp Công ty TNHH Lê N không thanh toán, V có quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu FORD, số loại RANGER, số khung RL2UMFF60MKR13595, số máy YN2QPMK13595, biển số 51D-597.50.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nợ thì ông Lê Anh D phải có nghĩa vụ thanh toán nợ thay cho công ty theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Toà án đã tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham dự phiên tòa đối với

bị đơn Công ty TNHH Lê N; ông Lê Anh D là người đại diện theo pháp luật của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Do bị đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trung giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn Công ty TNHH Lê N vắng mặt. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Anh D vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam T khởi kiện Công ty TNHH Lê N phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng. Công ty TNHH Lê N là bị đơn có địa chỉ trụ sở tại quận G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, nay là Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp của

người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật tổ chức hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025.

Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn Công ty TNHH Lê N; người đại diện hợp pháp của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Anh D theo đúng quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*.

Bị đơn Công ty TNHH Lê N; người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Anh D vắng mặt, không đến tòa, họ đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên Tòa án xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH Lê N thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 04/9/2025,

Đối với Hợp đồng cho vay số EGV/21663 ngày 15/12/2021: Nợ gốc 416.160.000 đồng, nợ lãi trong hạn 11.559.740 đồng, nợ lãi quá hạn 108.272.290 đồng, nợ lãi chậm trả 1.507.517 đồng, tổng cộng 537.499.547 đồng;

Đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 16/10/2019: Nợ gốc 35.879.667 đồng, nợ lãi quá hạn 12.851.865 đồng, tổng cộng 48.731.532 đồng;

Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng cho vay số EGV/21663 ngày 15/12/2021 và Khế ước nhận nợ ngày 15/12/2021 có thỏa thuận các nội dung chính sau:

Số tiền cho vay 780.300.000 đồng;

Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu Ford Range wildtrak 2.0L AT 4x4 số tự động;

Thời hạn vay 60 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày bên ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho khách hàng;

Lãi suất cho vay trong hạn: tại thời điểm giải ngân là 8,4%/năm, cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó được điều chỉnh định kỳ 01 tháng 01 lần, lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do hội sở chính áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là trên 3 đến = 5 năm và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1M tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,0%/năm;

Lãi suất đối với dư nợ gốc quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn;

Lãi suất chậm trả: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

Trả nợ gốc: trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15, kỳ trả đầu tiên vào ngày 15/01/2022, 60 kỳ, mỗi kỳ 13.005.000 đồng;

Trả nợ lãi: trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15, kỳ trả đầu tiên vào ngày 15/01/2022.

Căn cứ hợp đồng cho vay số EGV/21663 ngày 15/12/2021 và Khế ước nhận nợ ngày 15/12/2021 có cơ sở xác định Công ty TNHH Lê N đã nhận số tiền vay là 780.300.000 đồng. Công ty TNHH Lê N đã thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc 364.140.000 đồng, nợ lãi 143.623.712 đồng, tổng cộng 507.763.712 đồng.

Căn cứ Giấy đề nghị kiểm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 16/10/2019, nội dung: Hạn mức thẻ 40.000.000 đồng; lãi suất trong hạn 32%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 “1. Bên vay tiền thì phải trả đủ tiền đủ tiền khi đến hạn;” và tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017 “*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*” đối chiếu tại điểm b khoản 4.1 Điều 1 của hợp đồng cho vay ngày 15/12/2021 có thỏa thuận ngân hàng được quyền chấm dứt cho vay và phải trả nợ trước hạn. Vì bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu trả nợ gốc 416.160.000 trước hạn là có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 “5. Trường hợp vay có lãi khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi...” và tại khoản 1, 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017 “1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng”

“2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, mức phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Đối với hợp đồng cho vay số EGV/21663 ngày 15/12/2021, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 17/5/2024, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn 150% của lãi suất trong hạn là phù hợp; tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 04/9/2025, nợ lãi trong hạn 11.559.740 đồng, nợ lãi quá hạn 108.272.290 đồng và nợ lãi chậm trả lãi 1.507.517 đồng, tổng cộng 537.499.547 đồng.

Đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 16/10/2019, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 20/02/2024, Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 35.879.667 đồng thành nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn 150% tính mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn ( $32\%/năm \times 150\% = 48\%/năm$ ) là phù hợp. Tính đến ngày 04/9/2025, nợ gốc 35.879.667 đồng, nợ lãi quá hạn 12.851.865 đồng, tổng cộng là 48.731.532 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ là có cơ sở để chấp nhận.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải thanh toán số nợ 537.499.547 đồng + 48.731.532 đồng = 586.231.079 đồng là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] Nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH Lê N phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 05/9/2025 theo mức lãi suất được thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp Công ty TNHH Lê N không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi, xử lý tài sản thế chấp; Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Hợp đồng thế chấp số EGV/21663 ngày 15/12/2021, tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford, số loại Ranger, biển số 51D-597.50, số khung RL2UMFF60MKR13595, số máy YN2QPMK13595, theo Giấy chứng

nhận đăng ký xe ô tô số 50 080466 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/12/2021.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/01/2025: Tại địa chỉ số A đường Phan V, Phường X, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh không có bảng hiệu công ty, không có nhân viên làm việc, tài sản thế chấp xe ô tô nhãn hiệu Ford, số loại Ranger, biển số 51D-597.50 tên chủ xe là Công ty TNHH Lê N không có tại địa chỉ trên, không xác định được đang ở đâu.

Từ những phân tích nêu trên, trường hợp Công ty TNHH Lê N không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi, xử lý tài sản thế chấp nêu trên là có cơ sở để chấp nhận. Tài sản thế chấp cụ thể là: 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford, số loại Ranger, biển số 51D-597.50, số khung RL2UMFF60MKR13595, số máy YN2QPMK13595, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 080466 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/12/2021. Theo Hợp đồng thế chấp số EGV/21663 ngày 15/12/2021.

[2.5] Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán khoản nợ trên thì Công ty TNHH Lê N có trách nhiệm tiếp tục thanh toán hết số tiền nợ còn lại.

[2.6] Trường hợp Công ty TNHH Lê N trả hết nợ thì nguyên đơn phải trả lại cho Công ty TNHH Lê N bản chính: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 080466 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/12/2021.

[2.7] Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nợ thì ông Lê Anh D phải có nghĩa vụ thanh toán nợ thay cho công ty theo hợp đồng bảo lãnh đã ký, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các hợp đồng bảo lãnh số TSN/19112 ngày 10/10/2019 và số EGV/21663/HDBL ngày 15/12/2021 đều có chữ ký của người bảo lãnh ông Lê Anh D, có thỏa thuận: Ông Dững đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình, trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai ... phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng. Hợp đồng bảo lãnh có nội dung phù hợp với quy định tại Điều 335, Điều 336, Điều 339 và Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, bị đơn Công ty TNHH Lê N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 157 và Khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí là 27.449.243 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, trả lại 11.293.363 đồng tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5] Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Điều 5, Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 94, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tổ tụng hành chính, Luật tư pháp của người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật tổ chức hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025;

Điều 299, Điều 301, Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 342, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Luật phí và lệ phí;

Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Công ty TNHH Lê N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T các khoản nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 04/9/2025, tổng số nợ là 586.231.079 đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Cụ thể:

Nợ gốc 416.160.000 đồng, nợ lãi trong hạn 11.559.740 đồng, nợ lãi quá hạn 108.272.290 đồng, nợ lãi chậm trả 1.507.517 đồng, tổng cộng 537.499.547 đồng, theo Hợp đồng cho vay số EGV/21663 ngày 15/12/2021.

Nợ gốc 35.879.667 đồng, nợ lãi quá hạn 12.851.865 đồng, tổng cộng 48.731.532 đồng, theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 16/10/2019.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/9/2025) cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Lê N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số EGV/21663 ngày 15/12/2021 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 16/10/2019 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp trong hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà Công ty TNHH Lê N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng.

Trường hợp Công ty TNHH Lê N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford, số loại Ranger, biển số 51D-597.50, số khung RL2UMFF60MKR13595, số máy YN2QPMK13595, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 080466 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/12/2021, mang tên Công ty TNHH Lê N, theo Hợp đồng thế chấp số EGV/21663 ngày 15/12/2021.

Trong trường hợp số tiền thu hồi được từ tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì Công ty TNHH Lê N còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền vay.

Trường hợp Công ty TNHH Lê N trả hết nợ thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T có trách nhiệm trả lại cho Công ty TNHH Lê N bản chính: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 080466 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/12/2021.

Trường hợp Công ty TNHH Lê N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì ông Lê Anh D có nghĩa vụ trả số nợ trên cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T theo các hợp đồng bảo lãnh số TSN/19112 ngày 10/10/2019 và số EGV/21663/HDBL ngày 15/12/2021.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Công ty TNHH Lê N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T 2.000.000 (Hai triệu) đồng, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

Công ty TNHH Lê N phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 27.449.243 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.293.363 đồng theo Biên lai thu số 0012616 ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực A - TP.HCM ;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hồng Cúc**